

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THEO HỢP ĐỒNG
Tháng 08 năm 2022

STT	Mã số CBCC, viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Tiền lương, tiền công	Tổng cộng tiền lương và BHXH phải trả	Các khoản trừ vào lương					Cộng	Tổng tiền lương còn được nhận
						BHXH 8%	BHT 1,5%	BHTN 1%	Tổng trừ bảo hiểm	CB phí 1%		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8=6+7	9=2-8
1	01.005	Nguyễn Đình Phương	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	5.182.914
2	01.005	Trần Xuân Hiệp	Lái xe	7.086.244	7.086.244	566.900	106.294	70.862	744.056	70.862	814.918	6.271.326
3	01.005	Đỗ Thị Ngân	Tập vụ	4.000.000	4.000.000	320.000	60.000	40.000	420.000	40.000	460.000	3.540.000
4	01.005	Vũ Văn Kiệt	Lái tàu	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	5.182.914
5	01.005	Nguyễn Trọng Thu	Lái xe	6.442.040	6.442.040	515.363	96.631	64.420	676.414	64.420	740.835	5.701.205
6	01.005	Nguyễn Đình Sơn	Bảo vệ	4.840.000	4.840.000	387.200	72.600	48.400	508.200	48.400	556.600	4.283.400
7	01.005	Nguyễn Thị Kim Dung	Tập vụ	4.400.000	4.400.000	352.000	66.000	44.000	462.000	44.000	506.000	3.894.000
8	01.005	Nguyễn Thanh Hà	Lái tàu	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	4.711.740
9	01.005	Nguyễn Long Vũ	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	5.182.914
10	01.005	Lê Đức Khánh	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	5.182.914
11	01.005	Nguyễn Văn Minh	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	5.182.914
12	01.005	Nguyễn An Khương	Lái xe	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	4.711.740
13	01.005	Tạ Thanh Hào	Lái xe	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	4.711.740
14	01.005	Cao Uy Vũ	Lái xe	5.856.400	5.856.400	468.512	87.846	58.564	614.922	58.564	673.486	5.182.914
15	01.005	Trần Nhân Sự	Bảo vệ	4.400.000	4.400.000	352.000	66.000	44.000	462.000	44.000	506.000	3.894.000
16	01.005	Vũ Kỳ Văn	Lái xe	4.840.000	4.840.000	387.200	72.600	48.400	508.200	48.400	556.600	4.283.400
17	01.005	Nguyễn Quốc Dũng	Lái xe	5.324.000	5.324.000	425.920	79.860	53.240	559.020	53.240	612.260	4.711.740
18	01.005	Nguyễn Tiến Đạt	Kỹ thuật viên	4.280.000	4.280.000	342.400	64.200	42.800	449.400	42.800	492.200	3.787.800
19	01.005	Lê Văn Huân	Lái xe	9.175.650	9.175.650	734.052	137.635	91.757	963.443	91.757	1.055.200	8.120.450
20	01.005	Đoàn Bá Chung	Bảo vệ	4.000.000	4.000.000	320.000	60.000	40.000	420.000	40.000	460.000	3.540.000
TỔNG CỘNG				109.898.334	109.898.334	8.791.867	1.648.475	1.098.983	11.539.325	1.098.983	12.638.309	97.260.025

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 08 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Trần Thượng Chí

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]